

Số: /BC-SKHCN

Quảng Ngãi, ngày tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO
Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm,
nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2025

Thực hiện Công văn số 2923/BKHCN-VP ngày 04/07/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng Báo cáo Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2025; Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2025

a) Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Theo dõi, quản lý 30 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, trong đó 20 nhiệm vụ đang triển khai, 10 nhiệm vụ đang thực hiện các thủ tục sau nghiệm thu. Phối hợp triển khai thực hiện 03 dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi do Trung ương quản lý¹. Tổ chức họp Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện 05 đề tài/dự án KH&CN². Thông báo đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh triển khai thực hiện năm 2026; Tiếp nhận, rà soát, tổng hợp 134 phiếu đề xuất của các tổ chức, cá nhân gửi đến.

- Có ý kiến thẩm định công nghệ 66 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Báo cáo, kiến nghị và tham vấn ý kiến Bộ Khoa học và Công nghệ về các nội dung liên quan đến thẩm định, giám định, giám sát công nghệ, thiết bị dự án Nhà máy Bột - Giấy VNT19.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 20/6/2025 tổ chức Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025. Tham dự và hỗ trợ 02 doanh nghiệp khởi nghiệp tham gia trưng bày, quảng bá sản phẩm tại Diễn đàn khởi nghiệp sáng tạo quốc gia lần thứ 6 – Bình Định 2025. Tổ chức Không gian đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ Ngày hội sách

¹ (1) Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến cây dược liệu sa nhân tím (Amomum longiligulare T. L. Wu), ngũ vị tử Ngọc Linh (Schisandra sphenanthera Rehd. et Wils), đảng sâm việt nam (Codonopsis javanica (Blume) Hook. f. & Thomson) đạt tiêu chuẩn GACP-WHO tại huyện Tư Mờ Rông, tỉnh Kon Tum”; (2) Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình trồng, thâm canh một số giống chè mới gắn với cơ sở chế biến chè xanh, chè Olong đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ nội tiêu và xuất khẩu tại huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum; (3) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình chăn nuôi lợn thương phẩm tại Kon Tum.

² Đề tài: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi; Dự án: Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ phát triển nhanh các giống lúa (QNg6, QNg13 và QNg128) đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Đề tài: “Xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ và cán bộ là người Dân tộc thiểu số ở tỉnh Kon Tum giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến 2045”; Trồng thử nghiệm một số cây dược liệu (*sâm Bó Chính, Bầy lá một hoa*) trên địa bàn tỉnh Kon Tum

tỉnh Quảng Ngãi³. Khảo sát, đánh giá thực trạng, cấp độ của hệ sinh thái để làm định hướng xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy HSTKNST giai đoạn 2025-2030.

- Tổ chức Hội thảo khoa học "*Các nghiên cứu mới về Sâm Ngọc Linh (Panax vietnamensis Ha et Grushv. var. vietnamensis) - Thành tựu và ứng dụng*", qua đó, khẳng định thêm giá trị khoa học và kinh tế thương hiệu Sâm Ngọc Linh, công bố thêm các hoạt chất mới, đồng thời tạo diễn đàn trao đổi, hợp tác giữa các nhà khoa học, nhà quản lý và doanh nghiệp trong việc phát triển Sâm Ngọc Linh.

b) Về bưu chính, viễn thông và chuyển đổi số

- Toàn tỉnh có 22 doanh nghiệp hoạt động bưu chính⁴, với 397 điểm phục vụ; tổng số lao động gần 2.200 người. Có 06 doanh nghiệp hoạt động viễn thông và internet⁵; 100% số xã, phường, đặc khu đã phủ cáp quang và sóng thông tin di động; hầu hết các thôn, bản trên địa bàn tỉnh có sóng di động 3G, 4G. Mạng 5G phủ 76% khu vực thành phố và trung tâm hành chính huyện thuộc tỉnh Kon Tum (cũ), 90% khu vực thành Phố, Khu Công nghiệp VSIP, Khu Công nghiệp Dung Quất tỉnh Quảng Ngãi (cũ). Về tần số, có 2.214 thiết bị vô tuyến điện được cấp phép sử dụng, trong đó: tàu cá: 1.828 giấy phép, mạng dùng riêng: 109 giấy phép, tàu biển: 277 giấy phép.

- Tỉnh đã đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu tỉnh, với tổng dung lượng lưu trữ là 170 TB, triển khai 24 hệ thống thông tin (HTTT), cơ sở dữ liệu (CSDL) của các cơ quan nhà nước tỉnh. Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh đảm bảo khả năng lưu trữ và kết nối dữ liệu từ các CSDL, HTTT của tỉnh. Toàn tỉnh đã đầu tư, khai thác gần 60 ứng dụng, CSDL, HTTT; trong đó, có 20 hệ thống được kết nối, khai thác dữ liệu quốc gia, CSDL Bộ ngành. Các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh sử dụng các Hệ thống dùng chung của tỉnh để quản lý, điều hành và xử lý công việc⁶.

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành triển khai **1.523** cơ quan, đơn vị (*Kon Tum 192 cơ quan, đơn vị*); tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành đạt trên 99,35%, cấp huyện đạt 92,32%, cấp xã đạt 85,35%; trên 95% văn bản được ký số khi phát hành văn bản điện tử⁷. Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh đã kết nối 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính

³ Trưng bày sách đôi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tổ chức hoạt động stem và trò chơi sáng tạo; tổ chức talkshow “Sáng tư duy – Tạo ý tưởng” cho 200 học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

⁴ Bưu điện tỉnh, Bưu chính Viettel, Công ty CPN Phong Mã Express, Công ty CPN Nhất Tín, Cty TNHH Kerry Express, Công ty Chuyển phát nhanh 247 Express, Công ty chuyển phát nhanh saigonpost, Công ty CP TM và Chuyển phát nhanh Nội Bài (Netco), Công ty cổ phần dịch vụ chuyển phát nhanh Phương Trang FuTa, Công ty cổ phần dịch vụ giao hàng nhanh, Công ty cổ phần Giao hàng tiết kiệm, Công ty TNHH một thành viên chuyển phát nhanh Thuận Phong (J&T), Công ty chuyển phát nhanh Chính Nghĩa (nội tỉnh), Công ty TNHH MTV thương mại tổng hợp Toàn Phát, Công ty TNHH Nin Sing Logistics, Công ty TNHH Một thành viên Best – Nghĩa Hành, Công ty TNHH MTV An Hoàng Khang, Công ty CP Chuyển Phát Nhanh Vietstar, Công ty TNHH Supership Kon Tum, Công ty Cổ phần Vinacappital Việt Nam, Công ty TNHH Chuyển phát nhanh Shopee Express, Công ty TNHH Chuyển phát nhanh ZTO Express.

⁽⁵⁾ Viettel, VNPT, Vinaphone, FPT, Mobifone, Vietnamobile.

⁶ Công thông tin điện tử tỉnh, 100% cơ quan cấp sở, cấp huyện, cấp xã có Trang thông tin điện tử; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Hệ thống thư điện tử công vụ; Cổng dữ liệu mở; LGSP; Tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung; Đánh giá DTI; Phòng chống mã độc tập trung; Trợ lý ảo lĩnh vực thông tin và truyền thông; Trợ lý ảo phục vụ người dân và doanh nghiệp; Hợp trực tuyến; Kho số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; CSDL cấp huyện; App Công chức, App Công dân;...

⁷ Chỉ tiêu Nghị quyết số 13-NQ/TU đến năm 2025 cấp tỉnh là 90%, cấp huyện là 80% và cấp xã là 70%.

phủ. Hệ thống hội nghị truyền hình, đến cuối tháng 6/2025 đã có 100% điểm (56 UBND cấp xã) có thiết bị kết nối, sử dụng đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoạt động ổn định, kết nối với CSDL quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công Quốc gia và các Hệ thống thông tin của các bộ ngành, đảm bảo phục vụ tổ chức và cá nhân trong thực hiện các dịch vụ công trực tuyến⁸. Đã tích hợp, cung cấp 732/1.692 dịch vụ công trực tuyến toàn trình (*Kon Tum 1099/1767*) và 599/1.692 dịch vụ công trực tuyến một phần trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của các bộ, ngành (*Kon Tum 340/1767*). Số hóa hồ sơ thủ tục hành chính khi tiếp nhận: cấp tỉnh đạt tỷ lệ 99,87% (*Kon Tum 85,17%*), cấp huyện đạt tỷ lệ 99,31% (*Kon Tum 93,52%*), cấp xã đạt tỷ lệ 99,73% (*Kon Tum 88,37%*); Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính: cấp tỉnh đạt tỷ lệ 99,63% (*Kon Tum 82,96%*), cấp huyện đạt tỷ lệ 94,87% (*Kon Tum 84,32%*), cấp xã đạt tỷ lệ 97,97% (*Kon Tum 94,72%*); Tỷ lệ khai thác, tái sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa đánh giá trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 78,47% (*Kon Tum 21,82%*).

c) Phát triển kinh tế số, xã hội số

- Toàn tỉnh có 6.900 doanh nghiệp; mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa còn thấp. Có 2.725 doanh nghiệp công nghệ số, trong đó: 1.602 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số ICT và 1.123 doanh nghiệp có mã ngành kinh tế số nền tảng đang hoạt động. Một số doanh nghiệp đã triển khai IoT ứng dụng trong sản xuất, kinh doanh; một số DN lớn đã triển khai một số mô hình phục vụ sản xuất, thương mại; có 2 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực sản xuất bán dẫn.

- Các mô hình Chợ 4.0; Tuyến phố không dùng tiền mặt; Điểm chi trả không dùng tiền mặt... được triển khai tại các địa phương trong tỉnh. Hoạt động thanh toán bằng mã QR đã trở thành phổ biến trong sinh hoạt hằng ngày của người dân.

- 100% cán bộ, công chức cấp tỉnh được bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản; 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành. Đến nay, có hơn 957.600 người dân trên địa bàn tỉnh đã tham gia ít nhất 01 lớp tập huấn về kỹ năng số.

d) Về sở hữu trí tuệ, công tác sáng kiến, an toàn bức xạ

- Tham mưu phê duyệt dự án Đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý cà phê Măng Đen thực hiện năm 2025⁹; cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý Ngọc Linh và xác nhận số lượng cho sản phẩm sâm củ cho 03 hộ gia đình và 01 tổ chức; sử dụng tên địa danh “Sơn Linh” và xác nhận bản đồ khoanh vùng sản xuất để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm dầu phụng. Hướng dẫn 21 tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục về sở hữu công nghiệp. Phê duyệt dự án Mở rộng phạm vi bảo hộ chỉ dẫn địa lý

⁸ Cổng Dịch vụ công quốc gia (Văn phòng Chính phủ); Cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS (Bộ Tài nguyên và Môi trường); Hệ thống cấp mã số ngân sách (Bộ Tài chính); Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm (Bảo hiểm xã hội); Các cơ sở dữ liệu về Lý lịch Tư pháp và Hộ tịch (Bộ Tư pháp); Hệ thống Đăng ký doanh nghiệp (Bộ Kế hoạch và Đầu tư); Hệ thống VNPOST (Bưu điện Việt Nam); CSDL Quốc gia về Dân cư và Dịch vụ công liên thông (Bộ Công an); Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội);...

⁹ Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 23/6/2025.

"Ngọc Linh" cho sản phẩm sâm củ trên địa bàn tỉnh Kon Tum¹⁰. Hỗ trợ kinh phí đăng ký bảo hộ đối nhãn hiệu thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum đến năm 2030 cho 02 công ty¹¹. Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho 70 hồ sơ sản phẩm.

- Đề nghị công nhận 22 sáng kiến cấp tỉnh và công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của 16 sáng kiến cấp tỉnh đã công nhận. Hướng dẫn 14 cơ sở xây dựng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ, 04 hồ sơ cấp chứng chỉ nhân viên ATBX. Cấp 11 giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho cơ sở đủ điều kiện, 07 chứng chỉ nhân viên ATBX.

d) Về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

- Tham mưu các Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia¹²; Kế hoạch tổng thể năng suất dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh đến năm 2030¹³. Phối hợp tham mưu ban hành 01 Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt¹⁴.

- Tiếp nhận và xác nhận 35 hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu, 05 hồ sơ công bố hợp chuẩn, 02 hồ sơ công bố hợp quy. Hướng dẫn 08 lượt doanh nghiệp xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở, đăng ký áp dụng mã số mã vạch. Tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng năm 2025. Cập nhật 630 tin cảnh báo trên trang web www.epingalert.org; 40 QCVN, 17 TCVN mới ban hành; hoàn thành 02 Bản tin TBT.

- Thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh:

+ Xây dựng 03 phóng sự, chuyên mục tuyên truyền trên báo in, báo hình, Đài PTQ. Tổ chức 02 lớp đào tạo “*Cải tiến đo lường và đánh giá hiệu quả hoạt động tại doanh nghiệp bằng công cụ KPI*”; Hội nghị “*Chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao năng suất chất lượng trên địa bàn tỉnh, phát triển cơ sở dữ liệu chuẩn và thực hành tốt về năng suất để phục vụ doanh nghiệp*”

+ Quản lý nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình: Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện 02 nhiệm vụ KH&CN năm 2024 chuyển sang năm 2025¹⁵; Tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN năm 2025, phê duyệt danh mục 01 nhiệm vụ KH&CN¹⁶ và thông báo tuyển chọn 01 nhiệm vụ

¹⁰ Thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2030.

¹¹ Quyết định số 93/QĐ-SKHCN ngày 22/4/2025.

¹² Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/01/2025, số 996/KH-UBND ngày 27/3/2025 triển khai thực hiện Quyết định số 1703/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

¹³ Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 19/6/2025.

¹⁴ Quyết định số 40/2025/QĐ-UBND ngày 03/06/2025.

¹⁵ Quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 28/11/2023; Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 27/11/2024.

¹⁶ Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 29/5/2025.

KH&CN.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Trong quá trình triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (QLCL) theo tiêu chuẩn ISO tại các cơ quan hành chính nhà nước, mặc dù mang lại nhiều lợi ích, nhưng thực tế vẫn còn tồn tại không ít khó khăn vì sự phức tạp và chồng chéo của các quy định pháp luật.

- Việc hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, thực hiện theo hình thức nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã phát sinh rất nhiều bất cập, doanh nghiệp không muốn tham gia do mất rất nhiều thời gian, phát sinh nhiều thủ tục, nhiều bước, không kịp thời đáp ứng nhu cầu cấp bách của doanh nghiệp.

- Việc hỗ trợ doanh nghiệp về đo lường theo Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" được quy định tại khoản 4, mục II, Điều 1 của Quyết định. Tuy nhiên, Bộ KH&CN chưa quy định về hình thức hỗ trợ nên địa phương rất khó triển khai các nội dung hỗ trợ; Công văn số 1095/BKHCNTĐC ngày 18/4/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc áp dụng định mức chi tiêu thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Đề án 996 và Đề án 100 vẫn chưa đảm bảo tính pháp lý để địa phương triển khai.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Khẩn trương rà soát các chương trình, kế hoạch của tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon tum (cũ) để tham mưu ban hành chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị phù hợp với tỉnh Quảng Ngãi (mới); đồng thời, tích cực phối hợp tham mưu Ban Chỉ đạo của tỉnh hoạt động hiệu quả để điều phối, dẫn dắt phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 trên địa bàn tỉnh. Rà soát, đề xuất tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhằm tạo “hành lang” thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với hình thức đa dạng, nội dung phù hợp theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW, trong đó, phải tận dụng tốt được các ưu thế công nghệ trong công tác truyền thông. Tổ chức tuyên truyền, triển khai đồng bộ các giải pháp để cộng đồng doanh nghiệp dần tiếp cận với các chương trình, đề án KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” trên địa bàn tỉnh; Khung kỹ năng số, kèm theo hướng dẫn đánh giá, xác nhận đạt trình độ phổ cập kỹ năng số¹⁷.

3. Tham mưu triển khai tổ chức thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ

¹⁷ Cho bốn nhóm đối tượng: (1) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước; (2) Học sinh, sinh viên; (3) Người lao động trong các doanh nghiệp; (4) Người dân (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ).

và giải pháp đã được xác định tại Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số; Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi.

4. Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại Đề án 06, định danh điện tử cho tổ chức, người dân và sử dụng định danh điện tử trong chuẩn hóa dữ liệu, trong khai thác các hệ thống thông tin, nền tảng số và trên không gian số; phát triển và chuẩn hóa dữ liệu về cho tổ chức, người dân phục vụ các cơ quan nhà nước, phát triển kinh tế xã hội và ứng dụng trong triển khai các mô hình điểm tại Kế hoạch số 204/KH-UBND ngày 23/11/2023¹⁸. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết và quản lý nhằm tăng cường cung cấp DVCTT, đơn giản hóa TTHC, giảm thời gian thực hiện TTHC nhằm phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn.

5. Triển khai các giải pháp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, nghiên cứu tham mưu giải quyết những tồn tại, hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, xử lý tài sản trang bị, tài sản hình thành từ việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

6. Triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình công tác của UBND tỉnh, của Sở: **(1)** Cập nhật bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số, tổ chức đoàn thăm quan, học tập kinh nghiệm về Chuyển đổi số 2025; **(2)** Tổ chức Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; **(3)** Tổ chức Chương trình ươm mầm doanh nhân sáng tạo và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; **(4)** Tham mưu UBND tỉnh: Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương và các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh nghiên cứu, đề xuất nhiệm vụ KH&CN triển khai trên địa bàn tỉnh; Phê duyệt triển khai thực hiện

¹⁸ Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm cụ thể như: (1) Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước; (2) Chương trình phát triển Chính quyền số và Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số giai đoạn 2026 - 2030 theo đúng chủ trương của Nghị quyết số 57-NQ/TW; (3) Đẩy mạnh phủ sóng 5G trên địa bàn toàn tỉnh, phấn đấu đạt 50% số lượng trạm phát sóng 4G hiện nay; (4) Tổ chức Tuần lễ Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; (5) Kế hoạch thực hiện Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; (6) Phát triển hạ tầng số, trang thiết bị, tài nguyên số, hệ thống thông tin, ứng dụng, nền tảng số,... (7) Cơ chế chính sách khuyến khích, thu hút nhân tài; tạo môi trường thuận lợi về thủ tục hành chính, pháp lý để tổ chức, cá nhân yên tâm tham gia đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng công nghệ; (8) Cắt giảm, đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; (9) Hoàn thành số hóa hồ sơ dữ liệu đất đai; khai thác dữ liệu hộ tịch; số hóa dữ liệu học sinh; số hóa hồ sơ lưu trữ và quản lý tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Triển khai định danh địa điểm, đánh số nhà theo Thông tư số 08/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024; (10) Số sức khỏe điện tử, hồ sơ SKĐT, hồ sơ bệnh án điện tử tại các bệnh viện, mô hình Khám chữa bệnh sử dụng sinh trắc học, KIOSK tự phục vụ, hệ thống khám chữa bệnh điện tử, hệ thống CSDL ngành Y tế để kết nối với Trung tâm điều phối dữ liệu y tế quốc gia; (11) Thiết lập Hệ thống Thông tin chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu của UBND tỉnh Quảng Ngãi; Mô hình Trung tâm điều hành thông minh.

nhiệm vụ KH&CN; Tổ chức họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN; Kiểm tra tiến độ các nhiệm vụ KH&CN; Nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; tổ chức làm việc với các sở, ban, ngành, địa phương và các tổ chức khoa học, các trường đại học, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh về định hướng xây dựng nhiệm vụ KH&CN năm 2026.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Liêm